

Bản án số:19/2018/DS-ST

Ngày: 08-11-2018

V/v “**Tranh chấp
quyền sử dụng đất**”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vân

* **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Trần Văn Thiện

2. Ông Trần Anh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Lan Phương- Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Y, tỉnh Bắc G.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29/10/2018 và ngày 08/11/2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thô lý số 13/2017/TLST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2017; Thụ lý yêu cầu phản tố số 01/TB-TLVA ngày 10/8/2017; Thụ lý bổ sung số 02/TB-TLVA ngày 09/02/2018 vÒ viÖc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2018/QĐXXST-DS ngày 30/5/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2018/QĐST-DS ngày 20/8/2018 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 15/2018/QĐST-DS ngày 29/10/2018 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** - Bà Diêm Thị V, sinh năm 1959 (có mặt)

- Ông Nguyễn Thái A, sinh năm 1957 (vắng mặt)

Ông A do bà Diêm Thị V đại diện theo ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 20/12/2016 (có mặt).

Điều cư trú: Xóm G, xã Tân T, huyện Tân Y, tỉnh Bắc G

* **Bị đơn:** - Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1972 (có mặt)

Nơi cư trú: Xóm G, xã Tân T, huyện Tân Y, tỉnh Bắc G

- Anh Nguyễn Hoàng C, sinh năm 1977 (vắng mặt)

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1975 (vắng mặt)

- Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Điều cư trú: Xóm G, xã Tân T, huyện Tân Y, tỉnh Bắc G

Anh C, chị T, anh K do chị Nguyễn Thị N là đại diện theo ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 03/3/2017 (có mặt).

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Nguyễn Thế Quang T, sinh năm 1983 (vắng mặt)

- Chị Phạm Thị Q, sinh năm 1986 (vắng mặt)

- Anh Nguyễn Thế Hải Đ, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Đều cư trú: Xóm G, xã Tân T, huyện Tân Y, tỉnh Bắc G.

Anh T, chị Q, anh Đ do bà Diêm Thị V đại diện theo ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 25/9/2017; ngày 09/02/2018 (có mặt).

- UBND xã Tân T, huyện Tân Y

Đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Hồng N- Cán bộ địa chính xã theo giấy ủy quyền ngày 16/01/2018 (vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- UBND huyện Tân Y, tỉnh Bắc G.

Đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Tuấn A- Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tân Y theo giấy ủy quyền ngày 18/12/2017 (vắng mặt).

*** Người làm chứng:**

- Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1950 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đồng Đ, xã Tân T, huyện Tân Y, tỉnh Bắc G

- Ông Diêm Đăng L, sinh năm 1932 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn G, xã Tân T, huyện Tân Y, tỉnh Bắc G

- Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1964 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn G, xã Tân T, huyện Tân Y, tỉnh Bắc G.

- Ông Vi Văn K, sinh năm 1951 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Cao K, xã Tân T, huyện Tân Y, tỉnh Bắc G.

- Ông Mạc Văn C, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn G, xã Tân T, huyện Tân Y, tỉnh Bắc G.

- Ông Ngô Văn B, sinh năm 1956 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn G, xã Tân T, huyện Tân Y, tỉnh Bắc G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và khởi kiện bổ sung ghi ngày 03/11/2017 và bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Diêm Thị V trình bày:

Gia đình bà có 1.346m² đất gồm có 315m² đất ở và 396m² đất rừng tái sinh có các cạnh như sau: Phía Đông giáp nhà bà Q, phía Tây giáp đất ông B, phía Nam giáp tỉnh lộ 287, phía Bắc giáp ruộng canh tác đã được UBND huyện Tân Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/12/2000 đối với đất rừng tái sinh và ngày 07/10/2003 đối với đất ở. Từ khi được giao quyền sử dụng đất gia đình bà vẫn sử dụng ổn định và đúng mục đích đối với đất được giao. Đến năm 2012 thực hiện chủ trương của Nhà nước là tổng đo đạc toàn bộ diện tích đất đai trong huyện. Theo bản đồ năm 2012 thì đất gia đình bà Tộc thừa số 82, diện tích 1.346m² và ruộng canh tác. Khi đo đạc lại bản đồ năm 2012 chị T con bà T có đưa giấy xin đất làm công đi vào nhà thuộc đất nhà bà do UBND xã Tân T ký và đóng dấu. Chồng bà là ông A lúc đó do có sự nhầm lẫn đã thỏa thuận với gia đình nhà anh C hoán đổi chiều mặt đường chiều rộng là 03m, chiều dài 14m, còn gia đình anh C đổi cho gia đình bà đất phía sau. Chính vì vậy, khi đo đạc lại đất năm 2012 diện tích đất mà chồng bà là ông Nguyễn Thái A đã đổi cho gia đình anh C vào diện tích gia đình anh C, còn diện tích gia đình anh C bảo đổi cho gia đình nhà bà thì anh C lại không trả cho gia đình bà mà đã xây

tường hết. Việc thỏa thuận đất chỉ mình ông A là chồng bà tự ý đổi mà không nói gì với bà trong khi đó diện tích đất 396m² là của bố mẹ bà vợ hoang từ năm 1975 sử dụng đến năm 1992 đào ao rồi cho riêng bà, hơn nữa đất này bà đã nộp tiền là 360.000 đồng (có biên lai nộp cho Tòa án) ngày 20/8/1998 tương đương với 72m² đất ở. Bà V khởi kiện bổ sung yêu cầu buộc gia đình bà T do các con bà T đang sử dụng trả lại cho gia đình bà phần đất lấn chiếm có chiều rộng 3m, chiều dài 14m. Tổng diện tích là 42m² trị giá 29.400.000 đồng.

Tại phiên tòa bà Diêm Thị V có mặt trình bày: Bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu các con bà T đang quản lý, sử dụng do chị Nguyễn Thị N đại diện theo ủy quyền trả lại gia đình bà diện tích 42m² trong đó chiều rộng 3m, chiều dài 14m. Bà đồng ý trị giá 42m² đất theo kết quả định giá của Hội đồng định giá ngày 14/11/2017 là 294.000 đồng, bà không yêu cầu trị giá đất 42m² là 29.400.000 đồng như đơn khởi kiện ban đầu.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Hoàng C, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn K, đại diện theo ủy quyền của các bị đơn là chị Nguyễn Thị N tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải chị N trình bày như sau:

Khoảng năm 1994 gia đình ông Diêm Đăng L là bố đẻ bà V ủi ao khu đất ruộng hoang hóa và ruộng canh tác đã bị xã đình chỉ. Năm 1995 do đường vào nhà không thuận tiện và có hai anh em trai nên đất sau này cần chia hai và cần hai cổng vào nhà. Thấy đất từ đường 294 vào nhà chị còn nên mẹ chị là bà T đã làm đơn đề nghị UBND xã cấp cho lối đi từ đường 294 vào vườn nhà đã được xã chấp nhận. Lối đi này có chiều dài 19m, trong đó có phần hành lang đường là 15m, chiều rộng lối đi là 2,8m. Phía tây giáp đất ông B, phía nam giáp đường 294, phía Đông giáp đường mòn xuống đồng con nhen, phía Bắc vào đất thổ cư của gia đình. Sau đấy do hoàn cảnh khó khăn bố mẹ chị ốm và bố chị là ông Nguyễn Trọng Đ mất năm 1999, mẹ chị là bà Nguyễn Thị T mất năm 2008. Năm 2011, các chị em bà đã xây tường rào chắn lối đi theo lời dặn của mẹ chị. Năm 2012 Nhà nước đo đạc lại bản đồ đất đai, gia đình nhà chị và gia đình nhà ông An, bà V thống nhất các mốc giới đo đạc như phần hồ sơ đo đạc về đất đai năm 2012, và được treo tại nhà văn hóa của thôn trong nhiều tháng nhưng gia đình bà V không có ý kiến gì tranh chấp. Từ đó đến năm 2016 gia đình chị sử dụng ổn định và lâu dài và không ai có ý kiến gì tranh chấp khiếu nại. Chị không hiểu vì lý do gì năm 2016 gia đình bà V lại nộp đơn kiện tranh chấp với gia đình chị. Chị không chấp nhận lý do bà V khởi kiện đòi diện tích đất 42m² trên: Vì diện tích đất này của gia đình chị đã được UBND xã Tân T xác nhận cho phép sử dụng làm lối đi hợp pháp từ năm 1995, không lấn chiếm đất của bất kỳ gia đình ai.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị N có mặt trình bày như sau:

- Chị N xin rút toàn bộ nội dung đơn yêu cầu phản tố đề ngày 8/8/2018 với lý do việc xin đất của gia đình chị năm 1995 đã được những người có thẩm quyền ký xác nhận vào đơn xin đất và gia đình chị đã sử dụng từ đó cho đến nay. Chị được biết việc cấp và giao đất là thuộc thẩm quyền của UBND các cấp không thuộc thẩm quyền của Tòa án nên chị đề nghị Tòa án chấp nhận việc rút

đơn yêu cầu của chị để chị liên hệ với UBND các cấp về việc cấp đất cho gia đình chị.

- Chị N không đồng ý với việc gia đình bà V khởi kiện đòi diện tích đất 42m² của các anh chị em chị đang quản lý, sử dụng với lý do gia đình chị trước đây mẹ chị là bà T đã có đơn xin đất được những người có thẩm quyền năm 1995 ký xác nhận và theo chị đất này không phải của gia đình bà V nên bà V không có quyền đòi lại.

* Đại diện theo ủy quyền của UBND huyện Tân Y ông Nguyễn Tuấn A có trình bày như sau (BL số 145):

Về nguồn gốc sử dụng: Thửa số 83, tờ bản đồ số 28 và thửa số 45 tờ bản đồ số 28 có nguồn gốc sử dụng là của hộ bà Nguyễn Thị T do hộ khai hoang sử dụng. Năm 2003, thực hiện việc cấp giấy chứng nhận QSD đất sau đo đạc bản đồ, hộ bà Nguyễn Thị T mang tên chủ sử dụng là Nguyễn Thị T kê khai và được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 720m² trong đó: Đất ở 360m², đất vườn 360m², được cấp tại Quyết định số 58/QĐ-UB ngày 28/12/2000. Năm 2012, xã Tân T được đo đạc bản đồ, thửa đất của hộ bà Nguyễn Thị T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2000 được thể hiện thành hai thửa là: Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 28, diện tích 1.626,1m², hiện ông Nguyễn Hoàng C đang sử dụng và thửa số 83, tờ bản đồ số 28, diện tích 293,8m² do ông Nguyễn Văn K sử dụng.

Thửa số 82, tờ bản đồ số 28, diện tích 1.346m² có nguồn gốc sử dụng là do hộ khai hoang sử dụng và được giao đất lâm nghiệp. Ngày 28/12/2000, hộ ông Nguyễn Thái A vợ là bà Diêm Thị V được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 396m² đất rừng tái sinh. Đến ngày 07/10/2003 được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 315m² đất ở. Năm 2012, xã Tân T được đo đạc bản đồ, thửa đất thổ cư được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003 và thửa đất lâm nghiệp được cấp giấy chứng nhận đất năm 2000 được thể hiện thành một thửa là thửa 82, tờ bản đồ số 28, tổng diện tích 1.346m².

Hiện hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Thái A và hộ bà Nguyễn Thị T cũng như các hộ khác tại xã Tân T thời điểm năm 2000 và năm 2003 đã thất lạc, do vậy không có cơ sở để khẳng định việc cấp giấy chứng nhận cho các hộ có đảm bảo đúng quy định không.

Về việc chuyển nhượng, tặng cho đối với thửa đất thổ cư của bà Nguyễn Thị T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2000 thì UBND xã Tân T cho biết thửa đất thổ cư diện tích 720m² được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị T năm 2000 và được thể hiện thành 02 thửa số 45 và thửa số 83, tờ bản đồ số 28. Hiện bà T chưa chuyển nhượng, tặng cho thửa số 45 và thửa số 83 tờ bản đồ số 28 cho ai.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Tuấn A vắng mặt.

* Đại diện theo ủy quyền của UBND xã Tân T bà Nguyễn Thị Hồng N có trình bày (BL số 146):

- Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04489 do UBND huyện Tân Y cấp ngày 07/10/2003 mang tên Nguyễn Thái A địa chỉ tại: Thôn G, xã

Tân T có diện tích đất là 315m² đất ở lâu dài. Tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04344 do UBND huyện Tân Y cấp ngày 28/12/2000 mang tên Diêm Thị V tại địa chỉ Thôn G, xã Tân T có diện tích là 360m² đất rừng tái sinh. Tại thửa số 82, tờ bản đồ số 28 mang tên ông Nguyễn Thái A theo trích lục bản đồ địa chính xã Tân T thì diện tích là 1346 m². Phần diện tích 1346m² trong bản đồ đo đạc năm 2012 hiện gia đình bà V đang sử dụng trong đó bao cả phần diện tích đất canh tác của hộ.

Hiện nay UBND xã Tân T không còn lưu trữ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Diêm Thị V tại thời điểm cấp giấy và cũng không có bản đồ cũ của xã, do vậy không thể xác định được đâu là phần đất thổ cư cũng như rừng đất tái sinh của hộ.

- Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 28 mang tên Nguyễn Thị T theo trích lục bản đồ địa chính xã Tân T, diện tích 1626.1m² hiện nay ông Nguyễn Hoàng C và ông Nguyễn Văn K đang sử dụng. Thửa số 83 diện tích 293.8m² hiện nay bà Nguyễn Thị T đang sử dụng đến thời điểm này cả hai thửa đất vẫn mang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là bà Nguyễn Thị T.

- Phần diện tích đất tranh chấp lối đi 42m² thuộc thửa số 83 diện tích 293.8m². Năm 1995 bà T là mẹ chị N có đơn đề nghị xin lối đi từ vườn nhà bà đến đường cái chính chiều dài khoảng 10 m, chiều rộng từ giáp vườn ông B đến giáp ao bà V rộng khoảng 2,5m- 3m. Tại thời điểm đó ông Mạc Văn C làm trưởng Thôn G, ông Vi Văn K làm cán bộ ruộng đất, ông Nguyễn Văn P làm chủ tịch xã đã xác nhận cho bà T lối đi: Phía tây giáp thổ cư ông B dài 4m, Phía đông giáp ao bà V dài khoảng 10m, chiều rộng của đường là 2,8m có đơn đề nghị ngày 11/4/1995 đến thời điểm đo đạc năm 2012 theo hiện trạng sử dụng đất thì gia đình chị T đang sử dụng việc nguồn gốc cũng như được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay chưa thì cán bộ địa chính không nắm rõ.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Hồng N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*Tại bản tự khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thế Quang T, anh Nguyễn Thế Hải Đ, chị Phạm Thị Q trình bày (BL 143-144- 89):

Các anh, chị là con của bà Diêm Thị V và ông Nguyễn Thái A. Về nguồn gốc đất tranh chấp giữa bố mẹ anh, chị và gia đình bà Nguyễn Thị T, các anh chị không biết gì về mảnh đất này. Các anh, chị đã có giấy ủy quyền cho mẹ các anh chị là bà Diêm Thị V tham gia giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa anh T, anh Đ, chị Q vắng mặt.

*Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ông Diêm Đăng L trình bày (BL 119):

Nguồn gốc đất mà bà Diêm Thị V có đơn khởi kiện có chiều dài 14m và chiều rộng 3m, tổng diện tích là 42m² do ông khai hoang từ những năm 1975 đến năm 1990 thì ông cho con gái là bà Diêm Thị V sử dụng từ đó cho đến nay. Năm 1995 gia đình bà Nguyễn Thị T có đơn xin xã cho phần đất trên để làm lối đi gia đình ông không đồng ý và từ đó đến nay phần đất này không có lối đi. Nay bà V có đơn khởi kiện đòi lối đi trên thì ông có ý kiến yêu cầu gia đình bà Nguyễn Thị T trả lại phần đất trên cho gia đình bà V.

Tại phiên tòa ông Diêm Đăng L vắng mặt.

*Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa người làm chứng ông Nguyễn Văn B có mặt trình bày:

Theo ông được biết thì lối đi đang tranh chấp giữa gia đình bà Diêm Thị V và bà Nguyễn Thị T, bà T đã chết, do chị Nguyễn Thị N đại diện theo ủy quyền của mấy anh chị em thì thực tế nguồn gốc đất là khai hoang hóa. của tập thể, lối đi chung của làng xuống cánh đồng chứ không phải của nhà bà V. Đến năm 1995 thì bà Nguyễn Thị T là mẹ đẻ của chị N có đơn xin cấp đất để làm lối đi có chiều dài khoảng 10m, chiều rộng khoảng 3m và bà T đã sử dụng ổn định một thời gian. Sau đó bà T mất thì gia đình ông L bố bà V sử dụng một thời gian, hai bên đã thỏa thuận với nhau nhưng sau này thì ông thấy hai gia đình lại tranh chấp lối đi trên. Theo ông thì việc bà V có đơn khởi kiện đòi lối đi tranh chấp trên là không có căn cứ vì gia đình bà T đã sử dụng ổn định lâu dài từ năm 1995 cho đến nay.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn B có mặt trình bày ông giữ nguyên lời khai như đã trình bày về nguồn gốc đất tranh chấp giữa gia đình bà V và gia đình bà T do chị N đại diện là đất hoang hóa, của tập thể, không phải của gia đình bà V. Việc bà V khởi kiện đòi diện tích đất trên là không đúng.

*Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ông Vi Văn K trình bày (BL116):

Theo ông được biết thì năm 1995 gia đình bà Nguyễn Thị T có đơn đề nghị xin xã giải quyết cho gia đình bà T có lối đi và ngày 20/12/1995, lúc đó ông là cán bộ quản lý ruộng đất của xã cùng ông Mạc Văn C là trưởng Thôn G có ký xác nhận hiện trạng lối đi được thể hiện như đơn đề nghị ngày 20/12/1995. Do lối đi này là đất khai hoang hóa, do tập thể quản lý, nhưng trên thực tế xã chưa giao cho gia đình bà T quản lý.

Tại biên bản lấy lời khai 01/11/2018 ông K có trình bày: Ông và gia đình bà V, chị N không có mâu thuẫn gì. Năm 1995 gia đình bà Nguyễn Thị T có đơn đề nghị xin lối đi từ vườn nhà bà T ra đường cái. Thời điểm bà T xin lối đi thì diện tích đất lối đi trên là đất hoang hóa do thôn, xã quản lý và được nhân dân trong thôn sử dụng làm đường đi xuống cánh đồng Con N, không có tranh chấp. Xét thấy hộ bà T đã có lối đi từ trước nhưng đi không thuận tiện nên ông lúc đó là cán bộ quản lý ruộng đất của xã có xác nhận hiện trạng lối đi để UBND xã cấp phần đất lối đi đó cho hộ bà T. Ông khẳng định thời điểm bà T xin cấp lối đi và được UBND xã cấp lối đi thì phần đất lối đi đó không có tranh chấp. Sau khi được cấp lối đi thì hộ bà T có sử dụng đất đó hay không, hay do ai khác sử dụng thì ông không nhớ. Về giấy xác nhận ngày 13/7/2018 mà bà V nộp cho Tòa án đúng là giấy xác nhận do ông viết và ký tên. Tuy nhiên việc ông viết xác nhận là do bà V nhờ xác nhận, nên ông mới viết, còn nội dung xác nhận thì ông cũng không nhớ rõ là đúng hay không vì thời gian đã lâu, ông chỉ nhớ sau khi bà T được cấp lối đi đến khi tiến hành đo đạc lại ông không rõ năm nào mới xảy ra tranh chấp.

Tại phiên tòa ông Vi Văn K vắng mặt.

*Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ông Mạc Văn C trình bày (BL 145):

Vào thời gian năm 1995 ông là trưởng Thôn G, xã Tân T. Tại đơn đề nghị ngày 01/4/1995 bà Nguyễn Thị T có đơn xin lối đi từ vườn nhà bà T tới đường cái thể hiện tại đơn đề ngày 01/4/1995 thì khi đó nguồn gốc đất là của tập thể, không có tranh chấp với ai. Ngày 20/12/1995 ông Vi Văn K là cán bộ quản lý ruộng đất của xã, ông là trưởng thôn có ký xác nhận thể hiện sự đo đạc và giao cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị T quản lý ổn định từ năm 1995 cho đến thời điểm hiện nay mới có tranh chấp.

Tại biên bản lấy lời khai 01/11/2018 ông C trình bày: Ông và gia đình bà V và gia đình chị N không có mâu thuẫn gì. Năm 1995 ông là trưởng Thôn G, là đại diện thôn xác nhận vào đơn đề nghị 01/4/1995 của bà Nguyễn Thị T về việc xin lối đi từ vườn nhà bà T ra đường cái. Sau khi xác nhận UBND xã đã giao cho hộ bà T quản lý diện tích đất đó từ năm 1995. Ngày 20/8/1998 ông có thu của bà Diễm Thị V số tiền 360.000 đồng lý do thu là vì sau khi cơ quan có thẩm quyền cấp cho hộ bà V và các hộ liền kề diện tích đất thổ cư giáp đường tỉnh lộ thì phía sau đất hộ bà V và các hộ liền kề có đường đi chung nhưng do các hộ đều không có nhu cầu sử dụng đường đi này nên UBND xã có chủ trương cấp thêm cho các hộ này phần đất đường đi ở phía sau để nhập thêm vào đất thổ cư của hộ. Hộ bà V cũng nằm trong số đó và diện tích đường đi cấp thêm cho hộ bà V là 72m² tương ứng số tiền là 360.000 đồng. Ông đã thu số tiền trên do bà V nộp và nộp lại cho UBND xã. Ông khẳng định diện tích đất cấp thêm 72m² này không bao gồm diện tích đất lối đi mà UBND xã đã giao cho hộ bà T năm 1995, vì diện tích đất đang tranh chấp nằm ở phía trước thổ cư, giáp đường tỉnh lộ, còn diện tích đất cấp thêm nằm ở mặt phía sau thổ cư đối diện đường tỉnh lộ.

Tại phiên tòa ngày ông Mạc Văn C vắng mặt.

*Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ông Ngô Văn B trình bày (BL 243-244):

Ông nguyên là Bí thư chi bộ Thôn G, xã Tân T từ năm 1987 đến năm 2012, ông ở gần đất nhà bà V và chị N. Giữa ông và gia đình bà V, chị N không có mối quan hệ họ hàng, không có mâu thuẫn gì, chỉ là hàng xóm. Theo ông được biết diện tích đất hiện đang tranh chấp giữa gia đình bà V và gia đình chị N ở giáp mặt đường tỉnh lộ 294 có nguồn gốc là đất hoang hóa, do tập thể quản lý. Khoảng năm 1995 bà T là mẹ đẻ chị N có đơn đề nghị thôn và UBND xã tạo điều kiện cấp cho gia đình bà phần lối đi từ thổ cư của gia đình bà ra đường tỉnh lộ, vị trí lối đi ở giáp đất bà V và đã được thôn, xã duyệt tạm giao cho phần lối đi có một chiều giáp đường tỉnh lộ, một chiều giáp đất ông B, một chiều giáp đất thổ cư bà T, một chiều giáp ao nhà ông bà A -V. Sau khi được giao đất, gia đình bà T không cải tạo diện tích đất này thành lối đi rộng rãi mà vẫn để đất hoang hóa, bờ lau bụi cỏ. Trước khi bà T xin đất đó làm đường đi thì diện tích đất này vốn là con đường mòn dẫn xuống đồng Con N, thôn làng cùng sử dụng lối đi chung. Bà T xin đất xong thì mọi người trong thôn vẫn sử dụng phần đất đó làm đường đi xuống cánh đồng. Nhà bà T không sử dụng đất đó vì vẫn có lối đi ở đầu bên kia đất thổ cư và lối này dẫn vào vườn vẫn rào đậu, chưa mở đường. Khoảng sau năm 1990-1995 gia đình ông bà A-V đào ao thì đã múc luôn cả phần đất đường đi xuống đồng Con N lên sau này bà con trong thôn không đi lối

đó nữa. Ông cũng không nhớ nhà bà V mức ao trước hay bà T xin đường trước và không rõ nhà bà V có mức ủi ao và cả phần đất đường đi mà bà T xin hay không. Thời điểm bà T xin cấp đất làm đường đi thì diện tích đất đó do tập thể quản lý, là đất hoang hóa, không có tranh chấp.

Tại phiên tòa ông Ngô Văn B vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Y phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà V; bị đơn, đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn chấp hành đúng quy định của pháp luật, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng Khoản 1 Điều 166; Điều 170; Điều 171 của Luật đất đai năm 2013.

Điều 254; Điều 257 của Bộ luật dân sự.

Khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 163; Điều 165; Điều 166; điểm c Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Khoản 1, khoản 5 Điều 26; Điều 48 Nghị quyết số 326/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị HĐXX xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của bà Diêm Thị V, ông Nguyễn Thái A do bà V đại diện theo ủy quyền yêu cầu chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Hoàng C, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn K do chị N đại diện theo ủy quyền trả 42m² đất.

- Đình chỉ yêu cầu phản tố đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị N

- Bà Diêm Thị V phải chịu 2.500.000 đồng chi phí thẩm định.

- Về án phí: Bà Diêm Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Gia đình bà Diêm Thị V và gia đình bà Nguyễn Thị T (đã chết) mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Hoàng C, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn K ở liền kề nhau, phần đất nhà bà V có phần giáp danh với đất gia đình nhà bà T. Năm 2000 gia đình bà T được Chủ tịch UBND huyện Tân Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích hai thửa số 83 tờ bản đồ số 28 có diện tích 293,8m² và thửa số 45 tờ bản đồ số 28 có diện tích 1.626,1m² mang tên Nguyễn Thị T. Gia đình bà V, ông A được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 82 tờ bản đồ số 28 diện tích là 1.346m². Nguồn gốc đất của hộ bà V và hộ bà T là do các hộ khai hoang sử dụng. Hiện bà T đã chết hai thửa đất nhà bà T do chị N, anh K, anh C, chị T là các con bà T đang quản lý, sử dụng.

Bà V cho rằng gia đình bà T đã lấn chiếm diện tích đất của gia đình nhà bà, tổng là 42m² trong đó chiều dài 14m, chiều rộng 03m mà gia đình bà đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà V đã yêu cầu gia đình bà T do các con quản lý, sử dụng phải trả lại diện tích đất trên và đã được UBND xã Tân T hòa giải nhiều lần nhưng các bên không tự thỏa thuận được về việc giải quyết tranh chấp đất đai nên bà Diêm Thị V đã khởi kiện ra Tòa án đề nghị buộc các con của bà T đang quản lý, sử dụng phải trả lại phần đất lấn chiếm 42m² cho gia đình bà là đúng đối tượng khởi kiện. Vụ án được thụ lý giải quyết xác định pháp luật có quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp quyền sử dụng đất” là đúng quy định tại Điều 203 của Luật đất đai và khoản 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Diêm Thị V và gia đình chị Nguyễn Thị N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Tân Y thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Diêm Thị V, Hội đồng xét xử thấy:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ thì thấy: Gia đình ông Nguyễn Thái A, bà Diêm Thị V và gia đình bà Nguyễn Thị T (đã chết), hiện nay do các con bà T quản lý, sử dụng do chị Nguyễn Thị N đại diện theo ủy quyền là hàng xóm, sinh sống liền kề nhau. Phần đất nhà bà V có một phần giáp danh đất nhà bà T. Bà V cho rằng gia đình bà T lấn chiếm diện tích của gia đình bà. Nay bà V yêu cầu buộc các con bà T đang quản lý, sử dụng diện tích đất trên phải trả lại cho gia đình bà phần đất lấn chiếm có chiều rộng 3m, chiều dài 14m. Tổng diện tích là 42m².

Về phí bị đơn, đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Nguyễn Thị N không nhất trí trả lại gia đình bà V diện tích đất trên, chị cho rằng: Năm 1995 mẹ chị là bà T đã làm đơn đề nghị UBND xã cấp cho lối đi từ đường 294 vào vườn nhà đã được xã chấp nhận. Lối đi này có chiều dài 19m, trong đó có phần hành lang đường là 15m, chiều rộng lối đi là 2,8m. Phía tây giáp đất ông B, phía nam giáp đường 294, phía Đông giáp đường mòn xuống đồng con nhện, phía Bắc vào đất thổ cư của gia đình. Sau đây do hoàn cảnh khó khăn bố mẹ bà ốm và bố bà là ông Nguyễn Trọng Đào mất năm 1999, mẹ chị là bà Nguyễn Thị T mất năm 2008. Năm 2011, các chị em chị đã xây tường rào chắn lối đi theo lời dặn của mẹ chị. Năm 2012 Nhà nước đo đạc lại bản đồ đất đai, gia đình nhà chị và gia đình nhà ông An, bà V thống nhất các mốc giới đo đạc như phần hồ sơ đo đạc về đất đai năm 2012, và được treo tại nhà văn hóa của thôn trong nhiều tháng nhưng gia đình bà V không có ý kiến gì tranh chấp. Từ đó đến năm 2016 sử dụng ổn định và lâu dài và không ai có ý kiến gì tranh chấp khiếu nại. Chị không hiểu sao năm 2016 gia đình bà V lại đem đơn kiện tranh chấp với gia đình chị. Chị không chấp nhận lý do bà V khởi kiện đòi diện tích đất trên: Vì diện tích đất này của gia đình đã được UBND xã Tân T xác nhận, cho phép sử

dụng làm lối đi hợp pháp từ năm 1995, không lấn chiếm đất của bất kỳ gia đình ai.

Mặt khác, Theo đại diện theo ủy quyền của UBND huyện Tân Y có quan điểm: Về nguồn gốc sử dụng: Thửa số 83, tờ bản đồ số 28 và thửa số 45 tờ bản đồ số 28 có nguồn gốc sử dụng là của hộ bà Nguyễn Thị T do hộ khai hoang sử dụng. Năm 2003, thực hiện việc cấp giấy chứng nhận QSD đất sau đo đạc bản đồ, hộ bà Nguyễn Thị T mang tên chủ sử dụng là Nguyễn Thị T kê khai và được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 720m² trong đó: Đất ở 360m², đất vườn 360m², được cấp tại Quyết định số 58/QĐ-UB ngày 28/12/2000. Năm 2012, xã Tân T được đo đạc bản đồ, thửa đất của hộ bà Nguyễn Thị T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2000 được thể hiện thành hai thửa là: Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 28, diện tích 1.626,1m², hiện ông Nguyễn Hoàng C đang sử dụng và thửa số 83, tờ bản đồ số 28, diện tích 293,8m² do ông Nguyễn Văn K sử dụng.

Thửa số 82, tờ bản đồ số 28, diện tích 1.346m² có nguồn gốc sử dụng là do hộ khai hoang sử dụng và được giao đất lâm nghiệp. Ngày 28/12/2000, hộ ông Nguyễn Thái A vợ là bà Diêm Thị V được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 396 đất rừng tái sinh. Đến ngày 07/10/2003 được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 315m² đất ở. Năm 2012, xã Tân T được đo đạc bản đồ, thửa đất thổ cư được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003 và thửa đất lâm nghiệp được cấp giấy chứng nhận đất năm 2000 được thể hiện thành một thửa là thửa 82, tờ bản đồ số 28, diện tích 1.346m².

Hiện hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Thái A và hộ bà Nguyễn Thị T cũng như các hộ khác tại xã Tân T thời điểm năm 2000 và năm 2003 hiện đã thất lạc, do vậy không có cơ sở để khẳng định việc cấp giấy chứng nhận cho các hộ có đảm bảo đúng quy định không, phần diện tích đất tranh chấp đã được cấp giấy chứng nhận hay chưa. Về việc chuyển nhượng, tặng cho đối với thửa đất thổ cư của bà Nguyễn Thị T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2000 thì UBND xã Tân T cho biết thửa đất thổ cư diện tích 720m² được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị T năm 2000 và được thể hiện thành 02 thửa số 45 và thửa số 83, tờ bản đồ số 28. Hiện bà T cũng chưa chuyển nhượng cho ai.

Đại diện theo ủy quyền của UBND xã Tân T có quan điểm: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04489 do UBND huyện Tân Y cấp ngày 07/10/2003 mang tên Nguyễn Thái A địa chỉ tại Thôn G, xã Tân T có diện tích đất là 315m² đất ở lâu dài. Tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04344 do UBND huyện Tân Y cấp ngày 28/12/2000 mang tên Diêm Thị V tại địa chỉ Thôn G, xã Tân T có diện tích là 360m² đất rừng tái sinh. Tại thửa số 82, tờ bản đồ số 28 mang tên ông Nguyễn Thái A theo trích lục bản đồ địa chính xã Tân T thì diện tích là 1346 m². Phần diện tích 1346m² trong bản đồ đo đạc năm 2012 hiện gia đình bà V đang sử dụng trong đó bao cả phần diện tích đất canh tác của hộ. Hiện nay UBND xã Tân T không còn lưu trữ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Diêm Thị V tại thời điểm cấp giấy và cũng không

có bản đồ cũ của xã, do vậy không thể xác định được đâu là phần đất thổ cư cũng như rừng đất tái sinh của hộ.

Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 28 mang tên Nguyễn Thị T theo trích lục bản đồ địa chính xã Tân T, diện tích 1626.1m² hiện nay ông Nguyễn Hoàng C và ông Nguyễn Văn K đang sử dụng. Thửa số 83 diện tích 293.8m² hiện nay bà Nguyễn Thị T đang sử dụng đến thời điểm này cả hai thửa đất vẫn mang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là bà Nguyễn Thị T.

Phần diện tích đất tranh chấp lối đi 42m² thuộc thửa số 83 diện tích 293.8m². Năm 1995 bà T là mẹ chị N có đơn đề nghị xin lối đi từ vườn nhà bà đến đường cái chính chiều dài khoảng 10 m, chiều rộng từ giáp vườn ông B đến giáp ao bà V rộng khoảng 2,5-3m. Tại thời điểm ông Mạc Văn C làm trưởng Thôn G, ông Vi Văn K làm cán bộ ruộng đất, ông Nguyễn Văn P làm chủ tịch xã đã xác nhận cho bà T lối đi: Phía tây giáp thổ cư ông B dài 4m, Phía đông giáp ao bà V dài khoảng 10m, chiều rộng của đường là 2,8m có đơn đề nghị ngày 11/4/1995 đến thời điểm đo đạc năm 2012 theo hiện trạng sử dụng đất thì gia đình bà Thoa đang sử dụng việc nguồn gốc cũng như được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay chưa thì cán bộ địa chính không nắm rõ.

Tại các biên bản lấy lời khai của những người làm chứng đều xác nhận về nguồn gốc diện tích đất 42m² đang tranh chấp giữa gia đình bà Diêm Thị V và các con của bà T đều là đất hoang hóa, đất của tập thể, diện tích đất tranh chấp trước đây là lối đi chung của dân làng, không phải đất của nhà bà V và đất của nhà bà T. Mặc dù gia đình bà V khởi kiện đòi các con bà T phải trả tổng diện tích 42m² đất nhưng bà V không đưa ra được chứng cứ, tài liệu chứng minh diện tích đất này bà V đã được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp. Do vậy, bà V khởi kiện đòi lại diện tích đất này là không có căn cứ để chấp nhận.

Mặt khác, tại các biên bản lấy lời khai của những người làm chứng đều khai xác nhận nguồn gốc đất tranh chấp đều là đất hoang hóa, đất của Nhà nước và tập thể, lối đi chung của dân làng, những người có thẩm quyền thời điểm đó cũng xác nhận, UBND xã cũng có quan điểm thể hiện gia đình bà T có đơn xin lối đi và đã tạm giao cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị T quản lý ổn định từ năm 1995, tại thời điểm đó không có tranh chấp, cho đến thời điểm hiện nay mới có tranh chấp. Trong quá trình giải quyết vụ án UBND huyện Tân Y, UBND xã Tân T cũng xác định phần đất này được cấp giấy chứng nhận hay chưa cũng không rõ, những người làm chứng cũng khẳng định đất này cũng chưa giao cho gia đình bà T quản lý. Việc giao đất cho các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền của UBND các cấp thẩm quyền, không thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại Điều 95, Điều 202 của Luật đất đai năm 2013.

* Việc bà V cho rằng diện tích 42m² nằm trong diện tích 72m² bà đã mua và có xuất trình phiếu thu 360.000 đồng do ông Mạc Văn C thu ngày 20/8/1998 thì tại Biên bản lấy lời khai ngày 01/11/2018 đối với ông C, ông C đã khẳng định: Năm 1995 ông là trưởng Thôn G, là đại diện thôn xác nhận vào đơn đề nghị 1/4/1995 của bà Nguyễn Thị T về việc xin lối đi từ vườn nhà bà T ra đường cái. Sau khi xác nhận UBND xã đã giao cho hộ bà T quản lý diện tích đất đó từ năm 1995. Ngày 20/8/1998 ông có thu của bà Diêm Thị V số tiền 360.000 đồng

lý do thu là vì sau khi Cơ quan có thẩm quyền cấp cho hộ bà V và các hộ liền kề diện tích đất thổ cư giáp đường tỉnh lộ thì phía sau đất hộ bà V và các hộ liền kề có đường đi chung nhưng do các hộ đều không có nhu cầu sử dụng đường đi này nên UBND xã có chủ trương cấp thêm cho các hộ này phần đất đường đi ở phía sau để nhập thêm vào đất thổ cư của hộ. Hộ bà V cũng nằm trong số đó và diện tích đường đi cấp thêm cho hộ bà V là 72 m² tương ứng số tiền là 360.000 đồng. Ông đã thu số tiền trên do bà V nộp và nộp lại cho UBND xã. Ông khẳng định diện tích đất cấp thêm 72 m² này không bao gồm diện tích đất lối đi mà UBND xã đã giao cho hộ bà T năm 1995, vì diện tích đất đang tranh chấp nằm ở phía trước thổ cư, giáp đường tỉnh lộ, còn diện tích đất cấp thêm nằm ở mặt phía sau thổ cư đối diện đường tỉnh lộ.

Tại biên bản làm việc ngày 05/11/2018 đối với đại diện UBND xã Tân T bà Nguyễn Thị Hồng N có trình bày hiện nay tại UBND xã Tân T không còn lưu trữ được tài liệu hồ sơ gì về đất đai liên quan đến việc cấp thêm diện tích đất thổ cư 72m² cho hộ bà V.

Như vậy, việc ông C khẳng định việc thu tiền này không nằm trong diện tích đất tranh chấp 42m², tại biên bản làm việc với hộ liền kề cũng khẳng định thời điểm đó là chủ trương chung cấp thêm đất phía sau của các hộ, hồ sơ tại UBND xã thời điểm đó không còn lưu trữ nên không có căn cứ để khẳng định việc bà V mua 72m² đất này là có 42m² diện tích đất tranh chấp nói trên.

[4] Đối với việc rút đơn yêu cầu phản tố của bị đơn chị Nguyễn Thị N thì thấy:

Ngày 08/8/2017 chị N có đơn yêu cầu phản tố với lý do gia đình chị không lấn chiếm diện tích 42m² đất mà gia đình bà V khởi kiện vì thực tế UBND xã Tân T đã chứng nhận cho gia đình chị lối đi diện tích đất này và đã được các hộ liền kề, ban quản lý ruộng đất, trưởng thôn, chủ tịch UBND xã ký xác nhận ngày 01/4/1995.

Tại phiên tòa chị N xin rút toàn bộ nội dung yêu cầu đơn phản tố với lý do việc xin đất của gia đình năm 1995 đã được những người có thẩm quyền ký xác nhận vào đơn xin đất và gia đình đã sử dụng từ đó cho đến nay. Chị được biết việc cấp đất và giao đất là thuộc thẩm quyền của UBND các cấp không thuộc thẩm quyền của Tòa án nên chị đề nghị Tòa án chấp nhận việc rút đơn yêu cầu của chị để chị liên hệ với UBND các cấp về việc cấp phần đất này cho gia đình chị.

Hội đồng xét xử thấy việc rút đơn yêu cầu phản tố của chị N là tự nguyện, do vậy Hội đồng xét xử sẽ đình chỉ không xem xét đơn yêu cầu phản tố của chị N.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Do khởi kiện của bà Diêm Thị V, ông Nguyễn Thái A do bà V đại diện theo ủy quyền không được chấp nhận nên bà V, ông An phải chịu cả số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.500.000 đồng.

[6] Về án phí:

- Do yêu cầu khởi kiện của bà Diêm Thị V, ông Nguyễn Thái A do bà V đại diện theo ủy quyền không được chấp nhận nên bà V, ông An phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Do chị Nguyễn Thị N rút đơn yêu cầu phản tố nên chị N sẽ được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 95; Khoản 1 Điều 166; Điều 170; Điều 171; Điều 202; Điều 203 của Luật đất đai năm 2013.

Điều 254; Điều 257; Điều 265; Điều 266 của Bộ luật dân sự.

Điều 26; Điều 35; Khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 155; Khoản 1 Điều 157; Điều 158; Điều 163; Khoản 1 Điều 165; Điều 166; Điểm c khoản 1 Điều 217; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1, khoản 3, khoản 5 Điều 26; Điều 48 Nghị quyết số 326/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Diêm Thị V, ông Nguyễn Thái A do bà Diêm Thị V đại diện theo ủy quyền buộc anh Nguyễn Hoàng C, chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn K do chị Nguyễn Thị N là đại diện theo ủy quyền phải trả diện tích đất lấn chiếm tổng là 42m², trong đó chiều dài là 14 m, chiều rộng là 3 m, có các cạnh tiếp giáp: Phía Đông giáp hộ Nguyễn Thái A, phía Tây giáp hộ Nguyễn Văn B, phía Nam giáp đường tỉnh lộ 294, phía Bắc giáp hộ Nguyễn Thị T.

[2] Đình chỉ xem xét đơn yêu cầu phản tố của chị Nguyễn Thị N đề ngày 8/8/2017.

[3] Chi phí tố tụng: Bà Diêm Thị V, ông Nguyễn Thái A do bà Diêm Thị V đại diện theo ủy quyền phải liên đới chịu toàn bộ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng chẵn). Xác nhận bà Diêm Thị V đã nộp đủ số tiền này theo quy định.

[4] Án phí:

- Bà Diêm Thị V, ông Nguyễn Thái A do bà Diêm Thị V đại diện theo ủy quyền phải liên đới chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu số AA/2016/00035909 ngày 07/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Y. Hoàn trả bà Diêm Thị V số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng chẵn) chênh lệch.

- Hoàn trả chị Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu số AA/2016/0003834 ngày 10/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Y.

[5] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, đại diện ủy quyền của nguyên đơn; bị đơn, đại diện theo ủy quyền của bị đơn; đại diện theo ủy quyền của người có

quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc G;
- VKSND tỉnh Bắc G;
- VKSND huyện Tân Y;
- Chi cục THADS huyện Tân Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân